

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2022

V/v : “*Kiến xin ly hôn, tranh
chấp việc nuôi con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và bà Hứa Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc Kiến xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 21/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N , sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Quang H , sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, Chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Quang H từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Do vợ chồng không hợp tính tình, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Vợ chồng thường hay xảy ra đánh cãi nhau. Anh H ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mặc dù đã được gia đình, bạn bè động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn đến mức quá trầm trọng,

không thể đoàn tụ như Tòa án hòa giải động viên. Vì mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013. Cháu Gi hiện đang ở cùng anh H. Do anh H muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gi và bản thân chị cũng chưa có nơi ở ổn định nên chị tự nguyện để anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gi và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H theo yêu cầu của anh H là 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như Chị N trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị N đã tự đi thuê nhà trọ sinh sống và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, anh và Chị N đã không còn liên lạc, không quan tâm, hỏi han đến nhau. Bản thân anh nhận thấy cuộc sống của anh chị không đúng nghĩa là một gia đình vì anh chị không có sự sẻ chia, yêu thương và chăm sóc nhau. Nay Chị N xin ly hôn, anh xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con anh phải khổ.

Về quan hệ con chung: Anh và Chị N có một con chung là Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013. Cháu Gi hiện đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Gi và yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản, chung, nợ chung: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H; chị tự nguyện để anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H theo yêu cầu của anh H là 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ

lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho Chị N được ly hôn anh H. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013 cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị N và anh Đỗ Quang H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã T), huyện K, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa Chị N và anh H là do cuộc sống chung không hòa thuận, không có tiếng nói chung. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bản thân anh H cũng xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị N đã tự đi thuê nhà trọ sinh sống và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, anh và Chị N đã không còn liên lạc, không quan tâm, hỏi han đến nhau. Bản thân anh nhận thấy cuộc sống của anh chị không đúng nghĩa là một gia đình vì anh chị không có sự sẻ chia, yêu thương và chăm sóc nhau. Nay Chị N xin ly hôn, anh xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn

con anh phải khổ. Qua bà Vũ Thị Ng là mẹ đẻ anh H cung cấp, vợ chồng N - H có nhiều mâu thuẫn, gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa Chị N và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị N và anh H có có một con chung là Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013. Cháu Gi hiện đang ở cùng anh H. Anh H xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Gi; Chị N xác định chưa có chỗ ở ổn định và tự nguyện để anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gi. Cháu Gi có ý kiến xin được ở cùng anh H. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gi là phù hợp; Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi theo yêu cầu của anh H là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết. **Sau này chị N, anh H nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.**

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Đỗ Quang H .

3/ Về quan hệ con chung: Giao cho anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đỗ Trường Gi, sinh ngày 10/8/2013 đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu Gi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0002514 ngày 18 tháng 10 năm 2021. Chị N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung